

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 27-09-2019

Số chứng thực: 6833 Quyển số: 03 SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Kiên

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-33



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 11 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 bầu cho nhiệm kỳ 2017 - 2022 bao gồm:

Ông Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Cao Sơn	Ủy viên	
Ông Võ Khánh Toàn	Ủy viên	
Bà Quek Guet Ngoh	Ủy viên	
Ông Qiu Ruixiang	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thanh Quang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2017
Ông Nguyễn Tiến Triển	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2017

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Nghĩa	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Triển	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Sơn	Phó Giám đốc
Ông Võ Khánh Toàn	Trưởng phòng Tài chính kế toán

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Thanh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2017
Ông Nguyễn Thanh Quang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2017
Ông Huỳnh Tín Đình	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

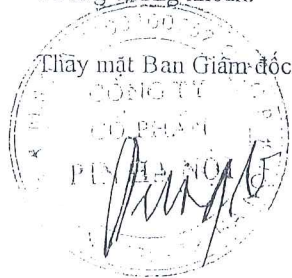
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Phạm Văn Nghĩa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2018

Số: 230318.033/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội được lập ngày 20 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

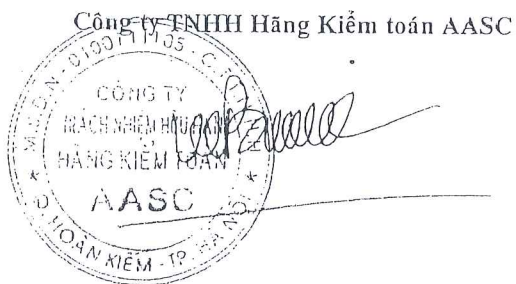
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

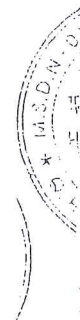
Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		98.467.737.510	83.907.846.609
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	15.898.563.274	4.010.390.217
111	1. Tiền		12.898.563.274	4.010.390.217
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		28.118.970.791	27.643.376.163
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	19.619.388.397	26.355.493.963
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	7.947.550.495	239.030.021
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	848.094.363	1.356.962.936
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(296.062.464)	(308.110.757)
140	IV. Hàng tồn kho	9	53.839.298.279	51.127.215.587
141	1. Hàng tồn kho		53.839.298.279	51.339.163.619
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(211.948.032)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		610.905.166	1.126.864.642
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	127.988.581	12.000.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		84.547.684	802.919.530
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	398.368.901	311.945.112
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		45.939.906.881	49.008.994.394
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		20.000.000	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	20.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		16.706.352.579	20.876.447.522
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	16.689.685.910	20.846.447.521
222	- Nguyên giá		58.498.359.904	59.315.405.092
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(41.808.673.994)	(38.468.957.571)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	16.666.669	30.000.001
228	- Nguyên giá		40.000.000	40.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.333.331)	(9.999.999)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.047.560.500	83.865.449
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1.047.560.500	83.865.449
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	27.000.014.246	27.000.014.246
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		27.000.000.000	27.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.246	14.246
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.165.979.556	1.048.667.177
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.165.979.556	1.048.667.177
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		144.407.644.391	132.916.841.003

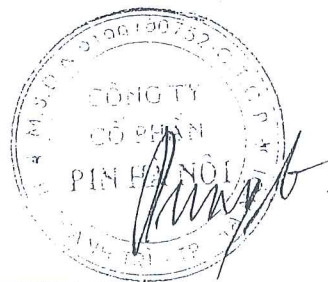
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		40.851.985.362	41.679.324.687
310	I. Nợ ngắn hạn		40.851.985.362	41.679.324.687
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	6.732.474.477	7.024.189.337
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		103.332.031	172.519.043
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.566.854.691	967.919.590
314	4. Phải trả người lao động		6.156.579.481	4.845.747.045
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.168.918.784	5.002.361.126
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	222.458.608	3.240.596.996
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	23.320.398.540	19.937.026.800
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		580.968.750	488.964.750
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		103.555.659.029	91.237.516.316
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	103.555.659.029	91.237.516.316
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		72.539.110.000	51.814.430.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		72.539.110.000	51.814.430.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.016.053.718	21.740.733.718
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.338.843.012	2.838.843.012
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.661.652.299	14.843.509.586
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.921.739.361	4.549.726.789
421b	LNST chưa phân phối năm nay		20.739.912.938	10.293.782.797
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		144.407.644.391	132.916.841.003

Nguyễn Hải Long

Võ Khánh Toàn



Nguyễn Hải Long
Người lập

Võ Khánh Toàn
Trưởng phòng Tài chính kế toán

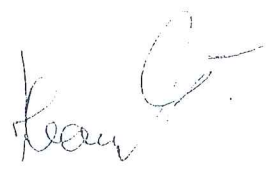
Phạm Văn Nghĩa
Giám đốc

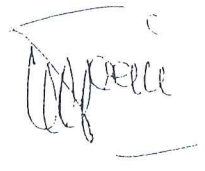
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2018

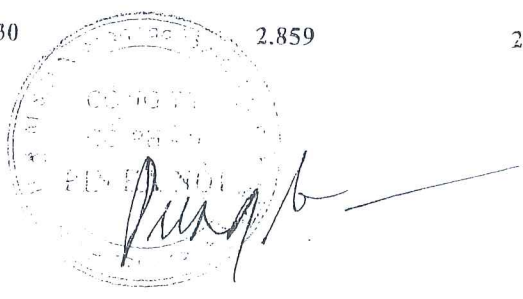
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	350.215.291.915	305.675.345.497
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	13.257.559.293	7.436.586.261
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		336.957.732.622	298.238.759.236
11	4. Giá vốn hàng bán	23	277.868.002.158	244.624.022.044
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		59.089.730.464	53.614.737.192
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	899.635.530	1.841.406.098
22	7. Chi phí tài chính	25	3.254.937.363	2.617.359.674
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		454.435.284	367.192.475
25	8. Chi phí bán hàng	26	15.599.554.794	16.182.054.811
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	15.258.537.950	14.273.629.326
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.876.335.887	22.383.099.479
31	11. Thu nhập khác	28	134.007.698	165.257.319
32	12. Chi phí khác		14.539.521	19.781.447
40	13. Lợi nhuận khác		119.468.177	145.475.872
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.995.804.064	22.528.575.351
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	5.255.891.126	4.462.628.054
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		20.739.912.938	18.065.947.297
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.859	2.491


Nguyễn Hải Long
Người lập


Võ Khánh Toàn
Trưởng phòng Tài chính kế toán


Phạm Văn Nghĩa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017
(Theo phương pháp trực tiếp)

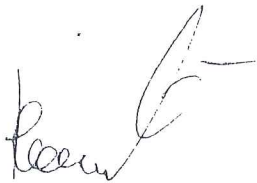
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		363.729.495.783	306.202.974.316
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(287.647.686.345)	(248.254.773.627)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(38.850.280.337)	(33.839.893.715)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(454.435.284)	(367.192.475)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.992.418.675)	(4.417.798.694)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	x	2.187.294.782	28.236.798
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	x	(12.723.551.735)	(676.095.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		21.248.418.189	18.675.457.603
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.316.770.488)	(11.175.634.900)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		70.000.000	109.090.909
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(27.000.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	22.693.579.213
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		162.273.983	768.952.593
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.084.496.505)	(14.604.012.185)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		77.130.220.770	78.480.410.325
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(73.735.166.540)	(71.677.923.015)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.671.380.550)	(17.818.115.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.276.326.320)	(11.015.627.690)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

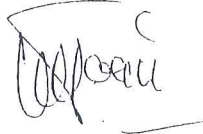
Năm 2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

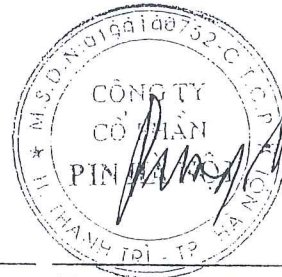
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		11.887.595.364	(6.944.182.272)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.010.390.217	10.947.932.472
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		577.693	6.640.017
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>15.898.563.274</u>	<u>4.010.390.217</u>



Nguyễn Hải Long
Người lập



Võ Khánh Toàn
Trưởng phòng Tài chính kế toán



Phạm Văn Nghĩa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 11 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 72.539.110.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 72.539.110.000 đồng; tương đương 7.253.911 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh thương mại

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất pin và ắc quy;
- Bán buôn pin các loại, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất pin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chỉ gồm có: cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2017, do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng dẫn tới Công ty phải thực hiện điều chỉnh giá bán tăng tương ứng. Điều này dẫn tới chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng" và "Giá vốn hàng bán" năm 2017 đều tăng so với năm 2016. Mặt khác, để đảm bảo hoạt động kinh doanh đối với một số đại lý truyền thống, Công ty cũng thay đổi chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng này dẫn tới việc các khoản giảm trừ doanh thu năm 2017 tăng mạnh hơn so với năm 2016.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ
Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính
Kinh doanh pin các loại

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	195.822.433	390.069.179
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.702.740.841	3.620.321.038
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	-
	<u>15.898.563.274</u>	<u>4.010.390.217</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh				
- Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) (*)	27.000.000.000	-	27.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	27.000.000.000	-	27.000.000.000	-
	14.246	-	14.246	-
	27.000.014.246	-	27.000.014.246	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Pin Hà Nội và GP Batteries International Ltd, Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) được thành lập với vốn điều lệ là 4.000.000 USD, trong đó Công ty Cổ phần Pin Hà Nội đóng góp 1.200.000 USD tương đương 30% vốn điều lệ. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) là sản xuất, kinh doanh pin và máy móc thiết bị sản xuất pin.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- GPI International Limited	11.495.822.794	13.649.816.450
- Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Cúc	1.195.499.880	824.115.286
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.928.065.723	11.881.562.227
	<u>19.619.388.397</u>	<u>26.355.493.963</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>11.521.917.142</u>	<u>16.354.865.970</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần kim loại màu Thái Nguyên VIMICO	6.405.817.947	-	-	-
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	702.443.372	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	839.289.176	-	239.030.021	-
	<u>7.947.550.495</u>	<u>-</u>	<u>239.030.021</u>	<u>-</u>
b) Trả trước các bên liên quan	<u>702.443.372</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.				

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	133.140.381	-	165.206.540	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	14.584.811	-	28.811.276	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	8.240.459	-	16.391.506	-
Tạm ứng	533.510.211	-	716.214.463	-
Ký cược, ký quỹ	50.000.082	-	317.000.082	-
Phải thu khác	108.618.419	-	113.339.069	-
	<u>848.094.363</u>	<u>-</u>	<u>1.356.962.936</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	-	-
	<u>20.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
b) Phải thu khác là các bên liên quan	<u>7.464.688</u>	<u>-</u>	<u>700.000</u>	<u>-</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.				

8 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế & Dịch vụ Siêu Thị BigC Thăng Long	45.608.502	-	45.608.502	-
- Cửa hàng 58 Trần Phú Hải Phòng	40.057.552	-	40.057.552	-
- Các khoản khác	238.763.803	28.367.393	230.893.499	8.448.796
	<u>324.429.857</u>	<u>28.367.393</u>	<u>316.559.553</u>	<u>8.448.796</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	44.182.685.362	-	39.704.759.072	-
Công cụ, dụng cụ	105.939.592	-	206.263.674	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.365.439.866	-	2.361.990.517	-
Thành phẩm	6.755.653.351	-	7.991.340.221	-
Hàng hoá	376.155.283	-	1.041.133.082	(211.948.032)
Hàng gửi đi bán	53.424.825	-	33.677.053	-
	<u>53.839.298.279</u>	<u>-</u>	<u>51.339.163.619</u>	<u>(211.948.032)</u>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	40.700.000
- Bể khuấy hóa chất	-	40.700.000
Mua sắm tài sản cố định	1.047.560.500	43.165.449
- Máy cắt via ống kẽm R6-600	1.047.560.500	-
- Máy ép vi tự động	-	21.195.722
- Các tài sản khác	-	21.969.727
	<u>1.047.560.500</u>	<u>83.865.449</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	12.157.081.167	40.908.143.249	5.918.230.424	331.950.252	59.315.405.092
- Mua trong năm	-	951.347.308	278.762.630	-	1.230.109.938
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.443.613.934)	(152.566.966)	(112.000.000)	(1.708.180.900)
- Giảm khác theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	(326.674.226)	(12.300.000)	-	(338.974.226)
Số dư cuối năm	12.157.081.167	40.089.202.397	6.032.126.088	219.950.252	58.498.359.904
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.938.655.657	23.022.687.834	3.258.743.559	248.870.521	38.468.957.571
- Khấu hao trong năm	145.617.000	4.623.163.135	590.419.768	27.671.646	5.386.871.549
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.443.613.934)	(152.566.966)	(112.000.000)	(1.708.180.900)
- Giảm khác theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	(326.674.226)	(12.300.000)	-	(338.974.226)
Số dư cuối năm	12.084.272.657	25.875.562.809	3.684.296.361	164.542.167	41.808.673.994
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	218.425.510	17.885.455.415	2.659.486.865	83.079.731	20.846.447.521
Tại ngày cuối năm	72.808.510	14.213.639.588	2.347.829.727	55.408.085	16.689.685.910

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.382.156.313 đồng.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm kế toán có nguyên giá là 40.000.000 đồng và khấu hao lũy kế là 23.333.331 đồng, trong đó khấu hao phát sinh trong năm 2017 là 13.333.332 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	112.033.583	-
Tiền thuê nhà	-	12.000.000
Chi phí mua bảo hiểm	15.954.998	-
	<u>127.988.581</u>	<u>12.000.000</u>
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	223.205.852	493.970.566
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	646.966.799	492.611.515
Chi phí trả trước dài hạn khác	295.806.905	62.085.096
	<u>1.165.979.556</u>	<u>1.048.667.177</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH	3.629.304.000	3.629.304.000	1.577.304.000	1.577.304.000
Hoá công Quế Lưu				
Quảng Tây				
Denka Singapore	1.099.706.400	1.099.706.400	-	-
PTE. Ltd				
Công ty TNHH	813.721.062	813.721.062	845.718.555	845.718.555
Hoá chất Ngọc Việt				
Phải trả các đối tượng khác	1.189.743.015	1.189.743.015	4.601.166.782	4.601.166.782
	<u>6.732.474.477</u>	<u>6.732.474.477</u>	<u>7.024.189.337</u>	<u>7.024.189.337</u>
b) Phải trả các bên liên quan	-	-	1.254.614.400	1.254.614.400
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35).				

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	6.027.301.755	5.688.272.795	-	339.028.960
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	311.945.112	-	443.971.284	530.395.073	398.368.901	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	777.293.245	5.391.016.556	4.992.418.675	-	1.175.891.126
Thuế Thu nhập cá nhân	-	175.993.910	475.218.937	612.594.271	-	38.618.576
Thuế Tài nguyên	-	93.360	35.006.190	32.526.750	-	2.572.800
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	3.137.943.396	3.137.943.396	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	14.539.075	91.437.500	95.233.346	-	10.743.229
	311.945.112	967.919.590	15.604.895.618	15.092.384.306	398.368.901	1.566.854.691

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại	1.973.154.384	1.512.218.220
Trích trước chi phí bồi hoàn cho lô hàng lỗi hỏng	-	3.194.466.111
Chi phí phải trả khác	195.764.400	295.676.795
	<u>2.168.918.784</u>	<u>5.002.361.126</u>

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	50.494.406	160.924.887
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.378.535	142.327.707
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.440.950	2.907.657.000
Quỹ xã hội	60.593.350	4.736.034
Phải trả phụ cấp HĐQT không tham gia điều hành	63.240.000	24.951.368
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.311.367	-
	<u>222.458.608</u>	<u>3.240.596.996</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

18 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng thương mại cổ phần	19.937.026.800	19.937.026.800	77.118.538.280	73.735.166.540	23.320.398.540	23.320.398.540
Xuất nhập khẩu Việt Nam (*)						
	<u>19.937.026.800</u>	<u>19.937.026.800</u>	<u>77.118.538.280</u>	<u>73.735.166.540</u>	<u>23.320.398.540</u>	<u>23.320.398.540</u>

(*) Hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-201700163 ngày 24/07/2017, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh được quy định cụ thể trong khế ước nhận nợ;
- + Thời hạn của hợp đồng: Không quá 12 tháng và được quy định cụ thể tại Hợp đồng tín dụng kiểm soát nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng cho từng lần giải ngân theo quy định tại Hợp đồng tín dụng kiểm soát nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 6.000.000.000 VND và 761.671 USD tương đương 17.320.398.540 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Chi tiết về tài sản bảo đảm, giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm, quyền và nghĩa vụ của các bên thực hiện theo Hợp đồng bảo đảm. Ngoài ra, Công ty cam kết dùng tài sản hợp pháp của mình làm tài sản đảm bảo cho nợ vay tại Eximbank, trong trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán nợ gốc, lãi quá hạn, lãi trên số tiền lãi chậm trả, bồi thường thiệt hại (nếu có) và các phí khác phát sinh cho Eximbank.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND
Số dư đầu năm trước	51.814.430.000		21.740.733.718		2.338.843.012		18.503.334.289		94.397.341.019
Lãi trong năm trước	-		-		-		18.065.947.297		18.065.947.297
Phân phối lợi nhuận	-		-		500.000.000		(13.953.607.500)		(13.453.607.500)
Tạm ứng cổ tức năm 2016	-		-		-		(7.772.164.500)		(7.772.164.500)
Số dư cuối năm trước	51.814.430.000		21.740.733.718		2.838.843.012		14.843.509.586		91.237.516.316
Số dư đầu năm nay	51.814.430.000		21.740.733.718		2.838.843.012		14.843.509.586		91.237.516.316
Tăng vốn trong năm nay ⁽¹⁾	20.724.680.000		(20.724.680.000)		-		-		-
Lãi trong năm nay	-		-		-		20.739.912.938		20.739.912.938
Phân phối lợi nhuận ⁽²⁾	-		-		500.000.000		(8.772.164.500)		(8.272.164.500)
Điều chỉnh theo Quyết định Thanh tra thuế	-		-		-		(149.605.725)		(149.605.725)
Số dư cuối năm nay	72.539.110.000		1.016.053.718		3.338.843.012		26.661.652.299		103.555.659.029

(1) Theo Nghị quyết của Đại Hội cổ đông số 03/2017/NQ-ĐHCD ngày 31 tháng 05 năm 2017, Công ty công bố việc tăng vốn điều lệ từ nguồn thặng dư vốn cổ phần. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 2.072.468 cổ phần tương ứng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

(2) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHCD ngày 31 tháng 05 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ		Số tiền	
	%		VND	
Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm 2015 và lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016	100,00%		22.615.674.086	
Trích Quỹ đầu tư phát triển	2,21%		500.000.000	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,21%		500.000.000	
Chi trả cổ tức (bằng 30% vốn điều lệ) ^(*)	68,73%		15.544.329.000	
Lợi nhuận chưa phân phối	26,85%		6.071.345.086	

(*) Công ty thực hiện chi trả cổ tức của năm 2016 trong 2 lần. Lần 1 được thực hiện tạm ứng trong năm 2016 số tiền là 7.772.164.500 đồng và lần 2 chi trả trong năm 2017 số tiền là 7.772.164.500 đồng. Lần chi cổ tức tạm ứng trong năm 2016 được căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 03/2016/NQ-HĐQT/PHN ngày 21/09/2016.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu năm</u>
	(%)	VND	(%)	VND
GP Batteris Internationnal Limited	30,00%	21.763.330.000	30,00%	15.545.240.000
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	21,00%	15.234.330.000	21,00%	10.881.670.000
Phạm Văn Nghĩa	5,02%	3.643.500.000	5,02%	2.602.500.000
Cổ đông khác	43,98%	31.897.950.000	43,98%	22.785.020.000
	<u>100%</u>	<u>72.539.110.000</u>	<u>100%</u>	<u>51.814.430.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	72.539.110.000	51.814.430.000
- Vốn góp đầu năm	51.814.430.000	51.814.430.000
- Vốn góp tăng trong năm	20.724.680.000	-
- Vốn góp cuối năm	72.539.110.000	51.814.430.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.772.164.500	20.725.772.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	7.772.164.500	12.953.607.500
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	7.772.164.500

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.253.911	5.181.443
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.253.911	5.181.443
- Cổ phiếu phổ thông	7.253.911	5.181.443
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.253.911	5.181.443
- Cổ phiếu phổ thông	7.253.911	5.181.443
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.338.843.012	2.838.843.012
	<u>3.338.843.012</u>	<u>2.838.843.012</u>

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Đồng đô la Mỹ (USD)	95.243,20	10.026,04

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	340.578.455.268	294.742.037.259
Doanh thu bán hàng hóa	586.819.987	3.208.879.831
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	4.499.966.114	3.063.533.130
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.550.050.546	4.660.895.277
	350.215.291.915	305.675.345.497
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35).	87.954.827.937	86.982.144.850

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	5.983.960.721	5.164.598.692
Hàng bán bị trả lại	-	400.918.903
Giảm giá hàng bán	7.273.598.572	1.871.068.666
	13.257.559.293	7.436.586.261

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	272.595.483.190	239.424.558.031
Giá vốn của hàng hóa đã bán	375.615.789	1.785.745.839
Giá vốn của vật tư, phế liệu đã bán	3.958.024.179	2.530.708.666
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	938.879.000	836.142.600
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	46.866.908
	277.868.002.158	244.624.022.044

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	162.273.983	127.031.806
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	225.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	641.920.787
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	737.136.547	1.072.453.505
	899.635.530	1.841.406.098

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	454.435.284	367.192.475
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	2.113.728.707	1.374.024.484
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	670.992.176	569.444.542
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	15.781.196	306.698.173
	3.254.937.363	2.617.359.674

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.499.141.687	1.337.728.752
Chi phí nhân công	5.513.817.975	5.901.375.423
Chi phí khấu hao tài sản cố định	452.922.876	370.424.449
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.304.384.938	2.274.965.266
Chi phí khác bằng tiền	5.829.287.318	6.297.560.921
	15.599.554.794	16.182.054.811

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	499.840.044	391.108.521
Chi phí nhân công	7.888.712.032	7.367.897.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.558.138	233.384.490
Thuế, phí, lệ phí	3.155.157.396	3.152.817.662
Hoàn nhập dự phòng	(12.048.293)	198.235.523
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.020.969.820	798.439.884
Chi phí khác bằng tiền	2.416.348.813	2.131.745.629
	15.258.537.950	14.273.629.326

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	70.000.000	-
Thu nhập khác	64.007.698	165.257.319
	134.007.698	165.257.319

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.995.804.064	22.528.575.351
Các khoản điều chỉnh tăng	283.651.569	426.485.706
- Chi phí không hợp lệ	280.930.050	119.787.533
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	2.721.519	306.698.173
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(641.920.787)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(641.920.787)
Thu nhập chịu thuế TNDN	26.279.455.633	22.313.140.270
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	5.255.891.126	4.462.628.054
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	135.125.430	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	777.293.245	732.463.885
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.992.418.675)	(4.417.798.694)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.175.891.126	777.293.245

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm</u> <u>trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.898.563.274	-	-	15.898.563.274
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.171.420.296	20.000.000	-	20.191.420.296
	<u>36.069.983.570</u>	<u>20.000.000</u>	<u>-</u>	<u>36.089.983.570</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.010.390.217	-	-	4.010.390.217
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.404.346.142	-	-	27.404.346.142
	<u>31.414.736.359</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>31.414.736.359</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	23.320.398.540	-	-	23.320.398.540
Phải trả người bán, phải trả khác	6.954.933.085	-	-	6.954.933.085
Chi phí phải trả	2.168.918.784	-	-	2.168.918.784
	<u>32.444.250.409</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>32.444.250.409</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	19.937.026.800	-	-	19.937.026.800
Phải trả người bán, phải trả khác	10.264.786.333	-	-	10.264.786.333
Chi phí phải trả	5.002.361.126	-	-	5.002.361.126
	<u>35.204.174.259</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>35.204.174.259</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất của Công ty chủ yếu là hoạt động sản xuất pin các loại, chiếm hơn 90% toàn bộ hoạt động của Công ty. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	Quốc tế VND	Nội địa VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.199.244.783	239.758.487.839	336.957.732.622
Tài sản bộ phận	13.595.856.681	130.811.787.710	144.407.644.391
Tổng chi phí mua TSCĐ	2.193.804.989	-	2.193.804.989

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Bán hàng		87.954.827.937	86.982.144.850
GP Battery Marketing (Singapore) Pte.Ltd.	(1)	6.030.412.825	6.392.235.851
GPI International Limited	(1)	80.674.650.878	80.328.908.999
Công ty TNHH Pin GP Việt Nam	Công ty liên doanh	1.249.764.234	261.000.000
Mua hàng		2.199.437.753	1.371.988.090
GPI International Limited	(1)	461.118.130	1.371.988.090
Công ty TNHH Pin GP Việt Nam	Công ty liên doanh	1.738.319.623	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		11.521.917.142	16.354.865.970
GPI International Limited	(1)	11.495.822.794	13.649.816.450
GP Battery Marketing (Singapore) Pte.Ltd.	(1)	-	2.417.949.520
Công ty TNHH Pin GP Việt Nam	Công ty liên doanh	26.094.348	287.100.000
Ứng trước cho nhà cung cấp		702.443.372	-
Công ty TNHH Pin GP Việt Nam	Công ty liên doanh	702.443.372	-
Phải thu khác		7.464.688	700.000
Công ty TNHH Pin GP Việt Nam	Công ty liên doanh	1.206.120	700.000
GPI International Limited	(1)	6.258.568	-
Phải trả người bán ngắn hạn		-	1.254.614.400
GPI International Limited	(1)	-	1.254.614.400

(1) Là các Công ty nằm trong hệ thống Tập đoàn GP Batteries toàn cầu.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.387.488.740	1.891.304.018
Trong đó: Thu nhập của Giám đốc	400.380.915	260.476.318

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Hải Long
Người lập



Võ Khánh Toàn
Trưởng phòng Tài chính kế toán



Phạm Văn Nghĩa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2018

